

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 55/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 1. Vị trí và chức năng

Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chuyển đổi số quốc gia; quản lý nhà nước đối với các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, quy định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Chính phủ và các nghị quyết, dự án, đề án theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm; công trình quan trọng quốc gia, chương trình, dự án, đề án thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý; các quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

3. Ban hành thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về quản lý ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

4. Phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm và hàng năm, các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ phù hợp với chiến lược phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và theo phân cấp, ủy quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án, kế hoạch đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

6. Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy đăng ký trong phạm vi quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực của bộ theo quy định của pháp luật.

7. Về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy việc phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật trọng điểm trên cơ sở ứng dụng, đổi mới và làm chủ công nghệ, phát triển công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ chiến lược và thương mại hóa công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

b) Quản lý nhà nước về hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực, ngành kinh tế - kỹ thuật; hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về công nghệ cao, khu công nghệ cao; quản lý và tổ chức thực hiện việc chứng nhận các hoạt động công nghệ cao, chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao; xây dựng cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin về công nghệ cao;

d) Quản lý nhà nước về công nghệ chiến lược; xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, biện pháp nhằm khuyến khích, thúc đẩy phát triển công nghệ chiến lược tại Việt Nam;

đ) Hướng dẫn việc xác định, đặt hàng, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ theo quy định của pháp luật; việc giao quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước. Khai thác, ứng dụng, thương mại hóa công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; công bố, tuyên truyền kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

e) Quản lý các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ; xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong các chương trình, đề án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

g) Kiểm tra, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện và sau nghiệm thu các chương trình, đề tài, dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp; tổ chức đánh giá độc lập kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

h) Hướng dẫn, đăng ký hoạt động đối với các tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;

i) Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển hoạt động nghiên cứu ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, ươm tạo công nghệ;

k) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân đánh giá công nghệ, đổi mới công nghệ, tìm kiếm công nghệ, chuyển giao, giải mã và làm chủ công nghệ từ nước ngoài, khai thác sáng chế; hướng dẫn, đánh giá trình độ, năng lực công nghệ và xây dựng định hướng phát triển công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ quốc gia theo quy định của pháp luật;

l) Xây dựng, trình Chính phủ quy định cụ thể thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ; điều kiện đặc thù về nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật đối với tổ chức thực hiện hoạt động thẩm định giá công nghệ và tổ chức thực hiện sau khi được ban hành;

m) Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ; quản lý hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng; quản lý việc xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư theo quy định của pháp

luật; thẩm định, có ý kiến thẩm định về công nghệ; cho ý kiến về nội dung khoa học và công nghệ của các quy hoạch cấp quốc gia, vùng, tỉnh, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, các chương trình, đề án nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ hoạt động chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

8. Về đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường công nghệ

a) Thống nhất quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo; xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển đổi mới sáng tạo và huy động nguồn lực đầu tư cho đổi mới sáng tạo;

b) Quản lý, hướng dẫn và tổ chức triển khai các hoạt động đổi mới sáng tạo; phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia với doanh nghiệp là trung tâm; tạo lập và thúc đẩy môi trường pháp lý hỗ trợ đổi mới sáng tạo;

c) Hướng dẫn việc thành lập, quản lý, phát triển hệ thống tổ chức đổi mới sáng tạo, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo; tổ chức việc xác định các trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật; xây dựng, vận hành, phát triển mạng lưới đổi mới sáng tạo;

d) Quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện phát triển thị trường khoa học và công nghệ; xúc tiến thị trường công nghệ quy mô vùng, quốc gia và quốc tế; các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, các trung tâm giao dịch công nghệ, sàn giao dịch công nghệ;

đ) Hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; xây dựng và triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

e) Chi đạo, tổ chức chợ công nghệ và thiết bị, hoạt động kết nối nguồn cung, nguồn cầu công nghệ; hoạt động giao dịch công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ; triển lãm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

9. Về khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ

a) Thống nhất quản lý hoạt động ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về xác định, công nhận, ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tư vấn viên khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo và các chủ thể khác của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

b) Quản lý, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia; tạo lập và thúc đẩy môi trường pháp lý và huy động nguồn lực đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Quản lý, hướng dẫn và tổ chức triển khai phát triển hệ thống các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; xây dựng, vận hành và phát triển mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, chuyên gia, cố vấn, nhà đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;

d) Xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập khác thành lập, tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chỉ đạo, tổ chức thực hiện các sự kiện về ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo trong nước và quốc tế.

10. Về phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ công lập và tổ chức thực hiện sau khi được ban hành; hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách nâng cao năng lực tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

b) Quy định cụ thể tiêu chí phân loại, xếp hạng, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại, giải thể đối với tổ chức khoa học và công nghệ; thành lập, thẩm định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của pháp luật; hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo dài hạn đối với nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học và công nghệ; tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học và công nghệ cho đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý;

d) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; chính sách thu hút đối với nhà khoa học, chuyên gia giỏi, trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài;

d) Quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện hoạt động thông tin, thư viện, thống kê khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; quản lý công bố khoa học và công nghệ trong nước; xây dựng hạ tầng thông tin, thống kê khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; các cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; bổ sung tập trung nguồn tin khoa học và công nghệ quốc tế; đầu tư phát triển mạng thông tin khoa học và công nghệ quốc gia kết nối với khu vực và quốc tế;

e) Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác truyền thông về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

11. Về sở hữu trí tuệ

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án về sở hữu trí tuệ;

b) Xây dựng, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ; quy định quy trình, thủ tục xác lập và chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp của tổ chức, cá nhân;

c) Quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến;

d) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc xác lập, chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm cả quản lý việc sử dụng dấu hiệu chỉ địa danh quốc gia ("Việt Nam", "Việt", "Viet Nam", "Viet") để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm, dịch vụ quốc gia của Việt Nam; thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp;

đ) Hướng dẫn về nghiệp vụ sở hữu công nghiệp cho các cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp, giám định về sở hữu công nghiệp và các dịch vụ khác về sở hữu trí tuệ;

g) Chủ trì tổ chức giải quyết các tranh chấp về sở hữu công nghiệp và tranh chấp thương mại liên quan đến sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật;

h) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ đối với các lĩnh vực liên quan theo phân công của Chính phủ.

12. Về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

a) Quản lý hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; thẩm định và công bố tiêu chuẩn quốc gia; hướng dẫn xây dựng và thẩm định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực; hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài ở Việt Nam; hướng dẫn xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hướng dẫn xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; quản lý hoạt động của mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại; quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; quản lý nhà nước về nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa;

b) Tổ chức xây dựng, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia và xây dựng, ban hành, hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ;

c) Quản lý việc thiết lập, duy trì, bảo quản, sử dụng, phát triển và ứng dụng hệ thống chuẩn đo lường; phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia; tổ chức nghiên cứu, triển khai, ứng dụng, phát triển, chế tạo, sản xuất sản phẩm, chất chuẩn, thiết bị đo lường; chỉ định tổ chức giữ chuẩn đo lường quốc gia; tổ chức quản lý về đo lường đối với phương tiện đo, phép đo, lượng hàng đóng gói sẵn, chuẩn đo lường; tổ chức quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; hỗ trợ đổi mới, phát triển hoạt động đo lường trong doanh nghiệp; thực hiện kiểm tra nhà nước về đo lường, chất lượng sản phẩm, nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổ chức quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và truy xuất nguồn gốc trong sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn và quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, công nhận năng lực tổ chức đánh giá sự phù hợp;

e) Tổ chức nghiên cứu triển khai, ứng dụng, nâng cao năng suất chất lượng trong các ngành, lĩnh vực; chủ trì thực hiện chương trình quốc gia nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm, hàng hóa; chủ trì, triển khai, ứng dụng truy xuất nguồn gốc; nghiên cứu, tư vấn, đào tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổ chức thực hiện các thỏa thuận và điều ước quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, đánh giá sự phù hợp; quản lý, hướng dẫn và tổ

chức triển khai thực hiện việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp; quản lý, hướng dẫn và tổ chức triển khai Giải thưởng Chất lượng Quốc gia; quản lý việc tổ chức xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân;

g) Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ trong lĩnh vực mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp.

13. Về năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

a) Quản lý nhà nước về nghiên cứu, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử trong các ngành kinh tế - kỹ thuật; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

b) Quản lý nhà nước về bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân, an ninh và thanh sát hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân;

c) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân theo quy định;

d) Kiểm tra và xử lý vi phạm về bảo đảm an toàn bức xạ và an toàn hạt nhân đối với các hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử;

đ) Tổ chức quản lý mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia và hệ thống chuẩn đo lường bức xạ và hạt nhân;

e) Thực hiện quản lý nhà nước về an toàn, an ninh nhiên liệu hạt nhân, nhiên liệu đã qua sử dụng, vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn, chất thải phóng xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; quản lý xuất nhập khẩu công nghệ thiết bị bức xạ, nhiên liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, vật liệu hạt nhân và nguồn phóng xạ trong phạm vi cả nước;

g) Quy định việc kiểm soát và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân;

h) Quy định về kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp, chiếu xạ y tế và an toàn bức xạ đối với dân chúng.

14. Về bưu chính

a) Hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra thực hiện cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án, chương trình về bưu chính; tổ chức kiểm tra danh mục, cơ chế hỗ trợ và hoạt động cung ứng dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của pháp luật;

b) Quy định, quản lý giá và chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính dành riêng, dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước và các dịch vụ bưu chính khác theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý tem bưu chính, an toàn trong hoạt động bưu chính theo thẩm quyền;

d) Quản lý bộ mã bưu chính quốc gia, bộ mã số tem bưu chính Việt Nam;

đ) Quy định theo thẩm quyền và hướng dẫn hoạt động của mạng bưu chính công cộng và mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước;

e) Phối hợp quản lý về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bưu chính, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ bưu chính theo quy định của pháp luật.

15. Về viễn thông

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách về viễn thông, Internet, hạ tầng số;

b) Ban hành, quy định danh mục, phạm vi, đối tượng, giá dịch vụ viễn thông công ích và cơ chế hỗ trợ cho doanh nghiệp để thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

c) Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định về quản lý thị trường, cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông, Internet; bảo vệ quyền lợi người sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet theo quy định của pháp luật;

d) Ban hành và tổ chức thực hiện quy hoạch và các quy định về quản lý và sử dụng kho số viễn thông và tài nguyên Internet; phân bổ, cấp, thu hồi kho số viễn thông và tài nguyên Internet; tổ chức thực hiện việc đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng các mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

đ) Ban hành cơ chế, chính sách, quy định và tổ chức thực hiện quản lý giá trong lĩnh vực viễn thông, Internet theo quy định của pháp luật; kiểm soát, đình chỉ áp dụng giá dịch vụ viễn thông khi doanh nghiệp viễn thông áp đặt, phá giá giá dịch vụ viễn thông gây mất ổn định thị trường viễn thông, làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp viễn thông khác và Nhà nước. Phối hợp thực hiện quản lý khuyến mại trong lĩnh vực viễn thông. Chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo, kế toán, kiểm toán phục vụ hoạt động quản lý giá dịch vụ viễn thông, Internet;

e) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về quản lý kết nối các mạng viễn thông;

g) Quy định theo thẩm quyền và hướng dẫn hoạt động của mạng viễn thông dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

h) Hướng dẫn việc xây dựng, triển khai kế hoạch, phương án phát triển mạng lưới viễn thông; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc chia sẻ và sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông;

i) Chủ trì trong đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, phối hợp với Bộ Công an đảm bảo an ninh thông tin trong hoạt động viễn thông theo quy định của pháp luật;

k) Quản lý chất lượng viễn thông, Internet; xây dựng, quản lý, vận hành phòng thử nghiệm, hiệu chuẩn chuyên ngành viễn thông và Internet theo quy định của pháp luật;

l) Thiết lập, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu thập và quản lý số liệu viễn thông và hệ thống chuyển mạng viễn thông di động mặt đất giữ nguyên số thuê bao viễn thông (trung tâm chuyên mạng);

m) Thiết lập, quản lý, vận hành, khai thác đảm bảo an toàn hệ thống máy chủ tên miền quốc gia, trạm trung chuyển Internet quốc gia VNIX, hệ thống quản lý tài nguyên Internet quốc gia, kết nối với các hệ thống khu vực, quốc tế;

n) Thiết lập hệ thống, nền tảng đo tốc độ truy cập, sử dụng tài nguyên Internet, IPv6. Thu thập, thống kê, công bố số liệu về Internet, tài nguyên Internet;

o) Xây dựng chương trình, tổ chức thực hiện thúc đẩy ứng dụng, chuyển đổi Internet sang thế hệ mới IPv6, phát triển Internet công nghiệp, Internet vạn vật (IoT); thúc đẩy phát triển an toàn, bền vững tài nguyên Internet, phổ cập tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

p) Phối hợp quốc tế, đăng ký, tiếp nhận chuyển giao, duy trì tài nguyên Internet Việt Nam với các tổ chức khu vực, quốc tế.

16. Về tần số vô tuyến điện

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia; hoạt động truyền dẫn, phát sóng theo quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phân bổ băng tần phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

c) Ban hành quy hoạch băng tần, quy hoạch phân kênh tần số, quy hoạch sử dụng kênh tần số, quy định về điều kiện phân bổ, ấn định và sử dụng tần số vô tuyến điện;

d) Quản lý chất lượng phát xạ vô tuyến điện, tương thích điện từ và an toàn bức xạ vô tuyến điện theo quy định của pháp luật;

đ) Quy định về điều kiện kỹ thuật, điều kiện khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép;

e) Bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ vô tuyến điện; quản lý việc đào tạo và việc cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên;

g) Quản lý lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, phí sử dụng tần số vô tuyến điện, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật;

h) Kiểm tra, kiểm soát tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý nhiễu có hại;

i) Đăng ký, phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh;

k) Trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện quy định về đấu giá, thi tuyển và chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.

17. Về công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách, chương trình, đề án, dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn;

b) Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách, ưu đãi, ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn; công bố danh mục và xây dựng chương trình phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, công nghệ số trọng điểm, trọng yếu;

c) Thẩm định các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn;

d) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí đánh giá, chứng nhận về chức năng, tính năng kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số; cơ chế chính sách quản lý và phát triển khu công nghệ thông tin, công nghệ số tập trung;

đ) Ban hành, công nhận theo thẩm quyền các chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin, công nghệ số;

e) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại về công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số;

g) Thực hiện quản lý chất lượng, quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số theo quy định của pháp luật.

18. Về chuyển đổi số quốc gia

a) Thực hiện nhiệm vụ thường trực Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số; đầu mối tổng hợp, tham mưu điều phối hoạt động phối hợp liên ngành giữa các bộ, ngành, địa phương để thực hiện các chủ trương, chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số quốc gia;

b) Xây dựng, hướng dẫn, tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án chung về chuyển đổi số quốc gia;

c) Ban hành bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cấp quốc gia và cấp bộ, cấp tỉnh; tổ chức đánh giá và công bố kết quả đánh giá định kỳ hằng năm.

19. Về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

a) Xây dựng, hướng dẫn, tổ chức triển khai cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ số và đô thị thông minh; hướng dẫn, thẩm định, kiểm tra, đánh giá, xếp hạng việc xây dựng, tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số và đô thị thông minh của các bộ, ngành, địa phương theo thẩm quyền; đánh giá, kiểm định chất lượng các sản phẩm, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số và đô thị thông minh;

b) Xây dựng, ban hành danh mục các nền tảng số dùng chung của cơ quan nhà nước; công bố danh mục các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện;

c) Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra các hoạt động quản trị dữ liệu, chia sẻ, khai thác dữ liệu trong xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo quy định của pháp luật;

d) Xây dựng, duy trì, cập nhật, tổ chức thực hiện Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam, Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh; xây dựng, hướng dẫn tổ chức triển khai mô hình Trung tâm giám sát điều hành thông minh của cơ quan nhà nước;

d) Xây dựng, vận hành phòng thử nghiệm hệ thống thông tin; xây dựng, quản lý và vận hành nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, nền tảng giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số, nền tảng điện toán đám mây Chính phủ, nền tảng quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo thẩm quyền;

e) Tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước, xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

20. Về kinh tế số, xã hội số

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, chiến lược, pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án quốc gia về phát triển kinh tế số, xã hội số;

b) Hướng dẫn, đánh giá việc xây dựng, tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án liên quan đến kinh tế số, xã hội số;

c) Quản lý và thúc đẩy phát triển kinh tế số nền tảng, nền tảng số quốc gia phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số; tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn, thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp, các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ số, kỹ năng số, công dân số, kết nối số và văn hóa số, hoạt động tuân thủ các quy tắc ứng xử trên môi trường số trong xã hội và cộng đồng;

d) Xây dựng, quản lý, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về phát triển kinh tế số, xã hội số quốc gia theo quy định của pháp luật.

21. Về giao dịch điện tử

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách, chương trình, đề án phát triển giao dịch điện tử; văn bản quy phạm pháp luật về giao dịch điện tử; yêu cầu kỹ thuật, kiểm toán kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, dịch vụ trong giao dịch điện tử;

b) Quản lý công tác báo cáo, đo lường, thống kê hoạt động giao dịch điện tử; quản lý việc giám sát an toàn hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử của chủ quản hệ thống thông tin; xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống tiếp nhận, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

c) Quản lý chữ ký điện tử, dịch vụ tin cậy, tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy; công nhận chữ ký điện tử nước ngoài, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

d) Quản lý, tổ chức việc xây dựng, khai thác và phát triển hạ tầng chứng thực điện tử quốc gia, hệ thống duy trì kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số; việc phát hành, thu hồi chứng thư chữ ký số;

đ) Quy định việc liên thông giữa các hệ thống cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng và chữ ký số chuyên dùng công vụ.

22. Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác mạng bưu chính, viễn thông dùng riêng, mạng Truyền số liệu chuyên dùng phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

23. Quyết định các biện pháp huy động các mạng và dịch vụ, các phương tiện, thiết bị truyền dẫn thông tin phục vụ các trường hợp khẩn cấp về an ninh quốc gia, thiên tai, địch họa theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

24. Quản lý công chức, viên chức chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của bộ theo quy định của pháp luật.

25. Quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ; các giải thưởng khác trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ theo quy định của pháp luật. Tổ chức các giải thưởng và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

26. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các hoạt động thông tin vi phạm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

27. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tổ chức tiếp công dân, thực hiện phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.

28. Đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ; thực hiện dự báo nhu cầu và định hướng phát triển nhân lực trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ.

29. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, cách chức, từ chức, miễn nhiệm, biệt phái, thực hiện chế độ tiền lương, các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc bộ theo quy định của pháp luật.

30. Quản lý tài chính, tài sản và tổ chức thực hiện ngân sách được giao theo quy định của pháp luật; xây dựng đề xuất cơ cấu chi, tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ.

31. Về hợp tác và hội nhập quốc tế

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các hoạt động hội nhập quốc tế trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ theo quy định;

b) Chủ trì đàm phán, xem xét tài trợ cho các chương trình, dự án chung với các đối tác quốc tế trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ trong khuôn khổ thỏa thuận song phương, đa phương, khu vực và liên khu vực; tổ chức thực hiện các chương trình, hiệp định, thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương, đề án hội nhập quốc tế và khu vực về các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ; triển khai mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ ở nước ngoài theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

c) Đại diện chính thức của Việt Nam tại các tổ chức quốc tế trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ theo phân công, ủy quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

32. Quản lý nhà nước các dịch vụ sự nghiệp công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ; giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực quản lý; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật.

33. Thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

34. Tổ chức thực hiện công tác quản lý về hội, tổ chức phi Chính phủ hoạt động trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.

35. Quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc bộ quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý và tổ chức việc thực hiện các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của bộ theo quy định của pháp luật.

36. Tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính của bộ theo chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

37. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Bưu chính.
2. Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ.
3. Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ.
4. Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên.
5. Vụ Kinh tế và Xã hội số.
6. Vụ Kế hoạch - Tài chính.
7. Vụ Hợp tác quốc tế.
8. Vụ Pháp chế.
9. Vụ Tổ chức cán bộ.
10. Văn phòng bộ.
11. Thanh tra bộ.
12. Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.
13. Cục Bưu điện Trung ương.
14. Cục Công nghiệp công nghệ thông tin.
15. Cục Chuyển đổi số quốc gia.
16. Cục Đổi mới sáng tạo.
17. Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ.
18. Cục Sở hữu trí tuệ.
19. Cục Tần số vô tuyến điện.
20. Cục Thông tin, Thống kê.
21. Cục Viễn thông.
22. Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.
23. Trung tâm Công nghệ thông tin.
24. Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ.
25. Báo VnExpress.

Các đơn vị quy định từ khoản 1 đến khoản 22 Điều này là các tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức quy định từ khoản 23 đến khoản 25 Điều này là các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ chức năng quản lý nhà nước của bộ. Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia được sử dụng con dấu hình Quốc huy.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ và danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập khác trực thuộc bộ.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc bộ theo thẩm quyền.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam (quy định tại Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ), Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông, Trường Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ quản lý Thông tin và Truyền thông, Tạp chí Thông tin và Truyền thông (quy định tại Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông) tiếp tục hoạt động cho đến khi Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ. Thời gian thực hiện không quá 03 tháng kể từ khi Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Cục An toàn thông tin (quy định tại Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông) được tiếp tục duy trì hoạt động để xử lý các vấn đề về tài chính, ngân sách nhà nước, tài sản công, các chương trình, dự án; nhân sự và các vấn đề còn tồn đọng khác (nếu có) trong thời gian không quá 03 tháng kể từ khi Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Báo VietNamNet (quy định tại Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông) tiếp tục hoạt động cho đến khi cấp có thẩm quyền phê duyệt việc chuyển Báo VietNamNet về trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong tháng 3 năm 2025.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2025.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (02b). 100

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Chí Dũng